

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Điểm du lịch số 2A”****BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Dự án “Điểm du lịch số 2A” của Công ty TNHH Phoenix Mountain tại Văn bản số 12/CV-PM ngày 02 tháng 11 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Điểm du lịch số 2A” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Phoenix Mountain (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- UBND tỉnh Bình Định;
- Sở TN&MT tỉnh Bình Định;
- Công ty TNHH Phoenix Mountain;
- Cục KSONMT;
- Lưu: VT, VPMC, MT.Tt.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Lê Công Thành**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“ĐIỂM DU LỊCH SỐ 2A”**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Điểm du lịch số 2A.
- Địa điểm thực hiện Dự án: phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Phoenix Mountain.
- Tọa độ các mốc ranh giới đại diện của Dự án theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trục $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3° như sau:

Điểm	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)	Điểm	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)
M01	1519302.63	603429.11	M27	1518060.16	603144.45
M02	1519248.95	603457.75	M28	1518043.18	603082.99
M03	1519195.95	603503.95	M29	1518071.65	603006.51
M04	1519151.27	603566.89	M30	1518128.87	602948.31
M05	1519096.46	603627.44	M31	1518212.38	602905.03
M06	1519132.46	603522.28	M32	1518288.32	602928.95
M07	1519104.67	603521.98	M33	1518307.78	603011.21
M08	1519058.18	603562.63	M34	1518378.65	603038.08
M09	1519025.40	603517.99	M35	1518441.49	603059.87
M10	1519019.85	603484.75	M36	1518529.50	603085.82
M11	1518986.36	603481.03	M37	1518633.24	603093.28
M12	1518918.63	603497.98	M38	1518656.37	603098.69
M13	1518858.14	603498.38	M39	1518701.55	603124.38
M14	1518802.89	603475.22	M40	1518777.81	603170.43
M15	1518738.77	603427.39	M41	1518831.10	603274.40
M16	1518682.00	603378.44	M42	1518854.14	603333.22
M17	1518573.98	603366.21	M43	1518907.96	603362.99
M18	1518524.47	603350.07	M44	1518963.66	603325.37
M19	1518471.88	603344.17	M45	1519057.62	603326.92
M20	1518425.65	603369.95	M46	1519101.48	603336.46
M21	1518373.72	603409.29	M47	1519193.45	603334.57
M22	1518316.23	603378.63	M48	1519216.57	603283.64
M23	1518233.13	603336.93	M49	1519248.93	603239.65
M24	1518140.91	603325.14	M50	1519298.80	603261.91
M25	1518095.41	603290.02	M51	1519307.82	603320.12
M26	1518073.74	603236.78	M52	1519297.49	603371.91

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

Tổng diện tích của Dự án khoảng 33,53 ha, thực hiện theo Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Định chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án và Quyết định số 3354/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Điểm du lịch số 2A tại tuyến Quy Nhơn - Sông Cầu, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính

Các hạng mục công trình của Dự án được thực hiện theo Quyết định số 5229/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Điểm du lịch số 2A, tuyến Quy Nhơn – Sông Cầu, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, gồm:

- Bảy (07) công trình dịch vụ cộng đồng, cao tối đa 02 tầng trên tổng diện tích sử dụng đất khoảng 1.203,58 m².

- Một (01) khu trung tâm hội nghị, cao tối đa 02 tầng trên tổng diện tích sử dụng đất khoảng 1.978,74 m².

- Ba (03) nhà hàng, cao tối đa 02 tầng trên tổng diện tích sử dụng đất khoảng 1.715,97 m².

- Mười sáu (16) công trình công viên vui chơi, giải trí (phần xây dựng công trình), cao 01 tầng trên tổng diện tích sử dụng đất khoảng 4.665,02 m².

- Chín (09) công trình dịch vụ hồ bơi và công trình phụ trợ khác, cao tối đa 02 tầng trên tổng diện tích sử dụng đất 716,37 m².

- Một (01) khách sạn du lịch, cao tối đa 03 tầng trên tổng diện tích sử dụng đất khoảng 3.083,29 m².

- Mười bốn (14) bungalow du lịch song lập, cao tối đa 02 tầng trên tổng diện tích sử dụng đất khoảng 575,12 m².

- Hai mươi một (21) căn biệt thự du lịch (đơn lập), cao tối đa 02 tầng trên tổng diện tích sử dụng đất khoảng 2.114,26 m².

- Hai trăm hai mươi bốn (224) căn biệt thự nghỉ dưỡng (song lập), cao tối đa 02 tầng trên tổng diện tích sử dụng đất khoảng 22.748,76 m².

- Một trăm năm mươi tám (158) căn biệt thự nghỉ dưỡng (đơn lập), cao tối đa 02 tầng trên tổng diện tích sử dụng đất khoảng 16.910,14 m².

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

- Hệ thống giao thông trên tổng diện tích sử dụng đất khoảng 64.270,87 m² (giao thông đối ngoại khoảng 59.208,01 m² và giao thông nội bộ khoảng 5.062,86 m²).

- Bãi đậu xe nổi với diện tích khoảng 4.445,69 m² và bãi đậu xe ngầm diện tích khoảng 4.180 m².

- Hai mươi (20) công trình phụ trợ (nhà điều hành, nhà kho, trạm biến áp, trạm bơm,...) cao 01 tầng trên tổng diện tích sử dụng đất khoảng 9.312,30 m².

- Công trình hạ tầng kỹ thuật khác trên tổng diện tích sử dụng đất 1.454,16 m².

- Đất hạ tầng dùng chung (mở rộng đường hiện trạng lên núi Vũng Chua) trên tổng diện tích sử dụng đất 9.160,07 m².

- Hệ thống cấp điện - chiếu sáng nội khu; cấp nước, phòng cháy chữa cháy nội khu; thông tin liên lạc đặt ngầm nằm dọc tuyến đường trục chính, trục nhánh và đường nội bộ; mái taluy và mương hạ tầng kỹ thuật.

1.3.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

- Hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thoát nước thải được xây dựng dọc theo đường giao thông, gồm: 2.396,58 m mương B400; 100 m mương B2.000; 2.531,55 m cống tròn bê tông cốt thép D400 mm; 4.240,39 m cống tròn bê tông cốt thép D600 mm; 651,14 m cống tròn bê tông cốt thép D800 mm; 320,19 m cống tròn bê tông cốt thép D1.000 mm; 359,69 m cống tròn bê tông cốt thép D1.200 mm; 175,98 m cống tròn bê tông cốt thép D1.500 mm; 2.330 m cống tròn bê tông cốt thép D1.800 mm; 434 hố ga; 05 bể chứa nước (dung tích mỗi bể từ 160 m³ đến 180 m³); 01 cửa xả có toạ độ theo hệ toạ độ VN2000 kinh tuyến trực 108^o15' múi chiều 3 độ: X=1518407.36, Y=603392.52.

- Hệ thống thu gom nước thải gồm: 7.417 m cống HDPE D200 mm; 1.177 m cống HDPE D300 mm; 363 hố ga.

- Hai (02) trạm bơm chuyên bậc với tổng công suất 56 m³/ngày bơm nước thải ở khu vực thấp vào hệ thống thu gom nước thải tự chảy về trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của Dự án;

- Một (01) trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của Dự án có công suất 480 m³/ngày đêm.

- Một (01) kho chứa chất thải rắn thông thường có diện tích khoảng 40,487 m², khu rửa thùng rác có diện tích khoảng 3,514 m².

- Một (01) kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích khoảng 10,511 m².

- Cây xanh, mặt nước với tổng diện tích 190.850,9 m².

1.3.4. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Hoạt động khai thác và vận chuyển nguyên liệu, vật liệu phục vụ thi công, xây dựng Dự án từ các nhà cung cấp; hoạt động sản xuất bê tông xi măng và bê tông nhựa từ các nhà cung cấp.

- Hoạt động khai thác nước mặt, nước dưới đất ngoài Dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng rừng đặc dụng với tổng

diện tích khoảng 33,53 ha là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Hoạt động xây mái taluy, san lấp phát sinh bụi, tác động đến chất lượng môi trường không khí.

+ Hoạt động của các phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn và độ rung; hoạt động giao thông đường bộ và nguy cơ xảy ra sự cố tác động đến môi trường.

+ Hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, nước thải sinh hoạt, nước thải thi công, nước mưa chảy tràn và nguy cơ xảy ra sự cố tác động đến môi trường.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hoạt động của Dự án phát sinh: bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn.

+ Các sự cố trong quá trình hoạt động của Dự án có khả năng ảnh hưởng đến môi trường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt của 200 công nhân thi công, xây dựng trên công trường phát sinh khoảng 10 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, các hợp chất dinh dưỡng (NO₃⁻, PO₄³⁻) và tổng Coliform.

- Nước thải từ hoạt động rửa xe, vệ sinh thiết bị thi công phát sinh khoảng 20,4 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: COD, TSS, dầu mỡ khoáng.

b) Giai đoạn vận hành:

Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 391,41 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS, BOD₅, COD, các hợp chất dinh dưỡng (NO₃⁻, PO₄³⁻) và tổng Coliform. Nước thải từ vệ sinh thùng đựng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 0,1 m³/ngày; thông số ô nhiễm đặc trưng gồm TSS, BOD₅, COD.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Hoạt động bốc dỡ và tập kết nguyên vật liệu xây dựng phát sinh bụi.
- Bụi và khí thải phát sinh từ các hoạt động phát quang, phá dỡ, đào đắp san nền; từ các phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công, xây dựng; từ các hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình, máy phát điện dự phòng, hoạt động hàn kim loại. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi, CO, NO₂, SO₂.
- Hoạt động thảm bê tông nhựa mặt đường và sơn hoàn thiện phát sinh bụi và khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi, CO, CO₂, NO_x, SO₂.

b) Giai đoạn vận hành:

Bụi và khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông, hoạt động của máy phát điện dự phòng, hoạt động đun nấu; mùi từ khu lưu giữ chất thải rắn và từ trạm xử lý nước thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi, CO, NO₂, SO₂, H₂S, Metyl Mercaptan.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Sinh khối phát sinh từ quá trình thu dọn, phát quang tạo mặt bằng thi công với khối lượng khoảng 162,15 tấn.
- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình phá dỡ các công trình trên đất khoảng 19,42 m³. Thành phần chủ yếu là gạch ngói vỡ, xà bần, xi măng.
- Đất đào tầng phong hóa từ quá trình thi công với khối lượng phát sinh khoảng 47.231 m³.
- Chất thải rắn từ hoạt động xây dựng phát sinh khoảng 02 tấn trong quá trình thi công, xây dựng. Thành phần chính là xà bần (gạch vụn, vữa, cát, đá rơi vãi); bao bì vật liệu (bao xi măng, bao nylon, thùng giấy); gỗ thải; kim loại thải; các phế thải từ quá trình lắp đặt thiết bị điện nước, nội ngoại thất (dây điện, ống nhựa, kính vỡ, gỗ).
- Chất thải rắn sinh hoạt của 200 công nhân thi công, xây dựng trên công trường phát sinh khoảng 60 kg/ngày đêm.

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động của du khách, nhân viên làm việc tại Dự án phát sinh khoảng 2,539 tấn/ngày đêm. Thành phần chính gồm: rau quả, thực phẩm, giấy vụn, bao nylon, vỏ lon, thủy tinh.
- Sinh khối từ hoạt động cắt tỉa cây xanh, thảm cỏ phát sinh khoảng 943,5 kg/ngày đêm.
- Bùn thải từ hệ thống thu gom và bể tự hoại phát sinh khoảng 0,824

m³/ngày đêm.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

Chất thải nguy hại từ quá trình xây dựng, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị thi công phát sinh khoảng 09 kg/tháng. Thành phần chính là giẻ lau dính thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang hỏng, hộp mực in.

b) Giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại từ quá trình vận hành các công trình của Dự án, công trình bảo vệ môi trường phát sinh khoảng 20 kg/tháng. Thành phần chính là giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin, ắc quy hỏng, bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, bao bì phân bón, hộp mực in.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công.

b) Giai đoạn vận hành: Tiếng ồn phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào Dự án, từ máy phát điện dự phòng và trạm xử lý nước thải.

3.4. Các tác động khác

3.4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước mưa chảy tràn phát sinh khoảng 0,759 m³/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng.

- Tác động do thu hồi đất lâm nghiệp và chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng để thực hiện Dự án.

- Tác động môi trường do sự cố cháy nổ, sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất, sự cố ngập lụt,...

3.4.2. Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn phát sinh khoảng 0,759 m³/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng.

- Tác động môi trường do sự cố cháy nổ, sự cố đối với trạm xử lý nước thải tập trung,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Biện pháp thu gom, xử lý nước thải thi công, xây dựng:

+ Nước thải rửa xe, thiết bị thi công được thu gom vào 01 hố lắng tại khu vực cầu rửa xe có dung tích 05 m³ để lắng cặn, tách dầu; nước sau lắng được tái

sử dụng cho hoạt động rửa xe, không xả ra môi trường. Gói thấm dầu và cặn lắng được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương để giảm lượng nước thải sinh hoạt phát sinh.

+ Lắp đặt 03 nhà vệ sinh lưu động (mỗi nhà vệ sinh có kích thước 90 cm x 130 cm x 242 cm, dung tích bể chứa chất thải 1.000 lít) để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý theo quy định khi đầy bể, không xả thải ra môi trường.

b) Giai đoạn vận hành:

- Toàn bộ nước thải phát sinh từ các hoạt động của Dự án được xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại rồi được hệ thống thu gom, bơm chuyển bậc đưa về trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của Dự án với quy trình như sau:

+ Nước thải → song chắn rác → hố ga → hệ thống thu gom nước thải → trạm bơm nước thải → hệ thống ống nước thải → trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của Dự án có công suất 480 m³/ngày đêm (gồm 02 mô đun, mỗi mô đun có công suất 240 m³/ngày đêm).

- Nước thải được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A với K = 1 trước khi xả ra mương thoát nước chung của khu vực bảo đảm đúng quy định tại 01 điểm xả có tọa độ: X=1518407.36, Y=603392.52 (hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 108⁰15' múi chiếu 3⁰).

+ Quy trình xử lý nước thải của trạm xử lý nước thải: Nước thải đầu vào → ngăn tách rác → bể tách mỡ → bể thu gom → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng đứng → bể khử trùng → bể lọc → bể chứa nước sau xử lý → xả ra môi trường.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Vận hành mạng lưới thu gom đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án được thu gom, xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A với K = 1; nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực theo quy định.

4.1.2. Xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công phù hợp, thi công và vận chuyển theo hình thức cuốn chiếu, xây dựng xong đến đâu tiến hành vệ sinh và thu dọn đến đó; xây dựng và thực hiện nội quy đối với công nhân và nhà thầu thi công; tuân thủ các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường.

- Sử dụng phương tiện, máy móc đạt yêu cầu kỹ thuật theo quy định; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, không để rơi vãi; bố trí cầu rửa xe

để rửa sạch bánh xe trước khi ra khỏi công trường; quét dọn, thu gom vật liệu rơi vãi với tần suất 01 lần/ngày.

- Thiết lập hàng rào tôn cao 02 m tại các khu vực thi công, xây dựng; sử dụng bao lưới chống bụi quanh công trình cao tầng khi thi công, xây dựng.

- Phun rửa các tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu trong Dự án với tần suất 02 lần/ngày, phun ẩm bề mặt trước khi đào đắp các công trình xây dựng với tần suất 02 lần/ngày, tăng tần suất trong mùa khô; phun nước làm ẩm khu vực tập kết nguyên vật liệu trước và sau quá trình tập kết.

- Phun chế phẩm khử mùi định kỳ 01 lần/ngày tại khu vực tập kết chất thải; thường xuyên vệ sinh các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Lắp đặt ống thoát khí thải cho máy phát điện dự phòng.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong quá trình thi công đảm bảo các phương tiện, thiết bị luôn hoạt động tốt để giảm thiểu khí thải phát sinh.

b) Giai đoạn vận hành:

- Bảo đảm diện tích cây xanh, mặt nước của Dự án theo quy hoạch đã được phê duyệt, đáp ứng quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Trồng cây xanh sân vườn và hè đường nội bộ, kết nối hệ thống cây xanh giữa các công trình cao tầng và thấp tầng phù hợp với cảnh quan thiên nhiên khu vực; bố trí công trình dưới tán cây giữ tối đa diện tích rừng, tạo cảnh quan tự nhiên.

- Khí thải từ trạm xử lý nước thải được thu gom và xử lý qua tháp khử mùi sử dụng than hoạt tính trước khi xả ra môi trường với quy trình như sau: khí thải từ các bể phát sinh mùi của trạm xử lý nước thải → chụp hút mùi → ống thu gom khí thải (D200) → quạt hút (công suất 28 m³/giờ) → tháp xử lý mùi bằng than hoạt tính (DXH=1,6x2,5 m) → ống xả khí sạch ra môi trường (D200, H = 0,7 m tính từ mái của trạm xử lý nước thải).

- Hạn chế tốc độ xe chạy trong khu vực Dự án không vượt quá 30 km/giờ.

- Lắp đặt hệ thống phun tia tại các bãi cỏ, vườn hoa, đảm bảo độ ẩm và cải thiện điều kiện vi khí hậu tại khu vực.

- Phun chế phẩm khử mùi định kỳ 01 lần/ngày tại khu vực tập kết chất thải; thường xuyên vệ sinh các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Các hố ga được thiết kế có nắp đậy kín và thường xuyên nạo vét, bảo trì.

4.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Sinh khối, xà bần, cốp pha, vật liệu xây dựng hư hỏng được phân loại và

sử dụng để san lấp mặt bằng của Dự án; chất thải không tận dụng được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Toàn bộ vật liệu phá dỡ các công trình trên đất được tận dụng làm vật liệu san nền.

- Đất bóc bề mặt được lưu chứa tại 05 khu vực bố trí khuôn viên cây xanh cảnh quan trong Dự án để sử dụng cho trồng cây. Lượng đất dư được chuyển giao cho đơn vị có chức năng tại địa phương vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn xây dựng được thu gom, phân loại và lưu giữ trong 03 bãi chứa tạm có diện tích 200 m²/bãi. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Quét dọn, thu gom vật liệu, đất rơi vãi với tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, phân loại tại nguồn và chứa vào 03 thùng rác 03 ngăn có nắp đậy dung tích mỗi ngăn 50 lít đặt tại khu vực thi công, xây dựng, khu nhà điều hành sau đó được lưu giữ tại khu chứa tạm chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 10 m² rồi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

- + Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn theo quy định sau đó được chứa vào các thùng chứa rác có 03 ngăn, mỗi ngăn 20 lít rồi chuyển về kho chứa chất thải rắn thông thường với tần suất tối thiểu 01 lần/ngày. Kho chứa chất thải thông thường có diện tích 40,487 m² có tường bao, nền bê tông chống thấm, mái che.

- + Bố trí khu vực rửa thùng rác có diện tích 3,514 m², nền bê tông chống thấm, gờ chống tràn nước, hồ thu nước rửa thùng rác và đưa về trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của Dự án.

- + Hàng ngày, chất thải rắn sinh hoạt được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Sinh khối phát sinh từ hoạt động chăm sóc cây xanh được thu gom và mang đi xử lý theo đúng quy định sau mỗi ca làm việc.

- Bùn thải từ bể tự hoại, hệ thống mương thoát nước được thuê đơn vị có chức năng thu gom, nạo vét khi đầy và vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Bùn thải từ trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung được thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất khoảng 02 tháng/lần.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Phân loại, thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình triển khai Dự án, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một

số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Các loại chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong 03 thùng chứa chất thải loại 120 lít có nắp đậy kín và được lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại tạm thời có diện tích 10 m² trên công trường; kho chứa được thiết kế, xây dựng theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Chất thải nguy hại được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành:

- Các loại chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong kho chứa có diện tích 10,55 m²; kho chứa được thiết kế, xây dựng theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Chất thải nguy hại được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường, tuân thủ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Sử dụng các phương tiện thi công hiện đại, có mức gây ồn thấp khi thi công.

- Kiểm tra thiết bị thường xuyên và đảm bảo chế độ kiểm định, bảo dưỡng xe, máy theo đúng quy định.

- Không vận hành thiết bị máy móc có độ ồn cao từ 11h30 - 13h30 và từ 22h00 - 06h00 để hạn chế ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Các máy móc cơ giới gây ra chấn động lớn không hoạt động cùng lúc để giảm tần suất cộng hưởng của độ rung.

- Các xe vận chuyển nguyên vật liệu thi công, xây dựng giới hạn tốc độ tối đa 10 km/giờ khi di chuyển trên công trường và tuân thủ quy định khi tham gia giao thông.

- Che chắn xung quanh khu vực công trường bằng tôn với chiều cao tối thiểu 02 m.

4.3.2. Giai đoạn vận hành:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện bảo đảm đạt

yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

- Bố trí máy phát điện trong phòng cách âm; sử dụng móng bê tông và đệm giảm chấn để chống rung; kiểm tra độ mòn định kỳ và bảo dưỡng, thay thế những thiết bị hư hỏng; ống khói có bố trí ống giảm thanh đi kèm theo máy.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia môi trường khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh trong quá trình thi công, xây dựng và vận hành Dự án.

4.4. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

a) Giảm thiểu tác động của việc thu hồi đất lâm nghiệp và chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất và hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất trong phương án bồi thường, hỗ trợ; chỉ triển khai Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện phương án trồng rừng thay thế theo quy định.

b) Giảm thiểu tác động đến hoạt động sản xuất nông lâm nghiệp

- Tuân thủ các quy định tại Luật Lâm nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành; chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan thực hiện công tác kiểm kê, đánh giá và thỏa thuận phương án tận thu tài nguyên rừng trong phạm vi của Dự án. Trong quá trình thi công nếu phát hiện khoáng sản, động thực vật quý hiếm trong sách đỏ phải dừng thi công, báo cáo các cơ quan có thẩm quyền để xem xét theo đúng quy định.

- Giám sát chặt chẽ lực lượng thi công, xây dựng, đảm bảo công tác thi công, xây dựng được triển khai trong ranh giới, phạm vi cho phép; kiểm soát không để công nhân san gạt đất tại các vị trí ngoài ranh giới Dự án; không chặt hạ và làm ảnh hưởng đến cây rừng ngoài phạm vi thi công của Dự án; ngăn chặn mọi hành vi chặt phá cây rừng, săn bắt động vật hoang dã, xâm hại cảnh quan, hệ sinh thái rừng.

- Phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền trong việc quản lý giám sát hoạt động thi công, xây dựng; đảm bảo khả năng tiếp cận diện tích rừng bên ngoài Dự án, không gây gián đoạn hoạt động chăm sóc và thu hoạch sản phẩm lâm nghiệp của khu vực xung quanh.

c) Giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn

- Bố trí hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm thời với kích thước 0,5 x 0,5 m,

50 m bố trí 01 hố ga lắng cặn; thường xuyên dọn dẹp mặt bằng thi công; tập kết nguyên vật liệu theo tiến độ thi công, xây dựng, che chắn các khu vực tập kết nguyên vật liệu xây dựng và không tập trung nguyên vật liệu gần rãnh thoát nước. Khai thông đường thoát nước mưa trong khu vực Dự án với tần suất 02 ngày/lần.

- Thường xuyên kiểm tra dọc khu vực thi công, xây dựng nhằm phát hiện và xử lý kịp thời tình trạng ngập úng cục bộ.

- Thi công, xây dựng theo từng giai đoạn để giảm áp lực cho hệ thống tiêu thoát nước tại khu vực. Bố trí thời gian phát quang, san nền vào mùa khô để hạn chế tập trung dòng chảy tràn.

d) Giảm thiểu tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái rừng xung quanh

- Đảm bảo về không gian, kiến trúc, cảnh quan, thân thiện với môi trường của từng công trình và toàn Dự án; đảm bảo đúng chức năng sử dụng, phù hợp tính chất công trình, bố trí công trình dưới tán cây, hạn chế tối đa ảnh hưởng đến đa dạng sinh học và cảnh quan thiên nhiên tại khu vực.

- Lập phương án hạn chế tối đa việc san ủi mặt bằng, không làm phá vỡ cảnh quan hiện trạng, không để xảy ra sạt lở, mất an toàn.

4.4.2. Giai đoạn vận hành

a) Giảm thiểu tác động từ nước mưa chảy tràn

- Xây dựng, vận hành hệ thống thoát nước mưa đúng thiết kế quy hoạch được phê duyệt.

- Hệ thống thu gom nước mưa bằng các hố ga thu nước mưa dọc các tuyến đường nội bộ, chảy theo mạng lưới cống thoát nước mưa bằng bê tông cốt thép tại các tuyến đường, chiều dài khoảng 11.141,5 m, 434 hố ga; nước mưa được thu về 05 bể chứa nước mưa dung tích bể từ 160 m³ đến 180 m³ để cấp nước cho tưới cây, rửa đường trong Dự án; nước mưa không chứa hết tại các bể được thoát vào hệ thống thoát nước khu vực.

Quy trình: Nước mưa chảy tràn → song chắn rác → cửa thu nước → hệ thống thu gom nước mưa → bể thu nước mưa để tưới cây/khi vượt quá khả năng chứa xả ra mương thoát nước chung của khu vực tại 01 điểm xả có toạ độ theo hệ toạ độ VN2000 kinh tuyến trực 108⁰15' múi chiếu 3 độ: X=1518407.36, Y=603392.52.

- Nạo vét định kỳ hệ thống thoát nước mưa để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước cho khu vực Dự án.

- Theo dõi tình hình thời tiết để lập kế hoạch vận hành cho các bể thu trữ nước mưa nhằm tối đa hiệu quả điều hòa nước mưa tại Dự án.

- Đảm bảo việc đầu nối nước mưa theo đúng quy hoạch và quy định.

b) Phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Phòng ngừa, ứng phó sự cố của hệ thống thu gom nước thải:

Tuân thủ đúng các yêu cầu thiết kế, xây dựng, vận hành hệ thống thu gom nước thải; thường xuyên theo dõi hoạt động của hệ thống và các trạm bơm để phát hiện và xử lý kịp thời sự cố; bố trí bơm dự phòng để bảo đảm trạm bơm hoạt động liên tục.

- Phòng ngừa, ứng phó sự cố của trạm xử lý nước thải:

+ Tuân thủ đúng các yêu cầu thiết kế, xây dựng, vận hành, bảo trì và bảo dưỡng trạm xử lý nước thải; thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời; dự phòng một số thiết bị, máy móc dễ bị hư hỏng tại trạm xử lý nước thải. Thường xuyên tập huấn cho nhân viên vận hành trạm xử lý nước thải.

+ Lắp đặt hệ thống van chặn tại các bể chứa thành phần để tăng thể tích lưu chứa nước thải, đảm bảo thời gian lưu chứa trong trường hợp xảy ra sự cố.

+ Trường hợp 01 mô đun của trạm xử lý nước thải xảy ra sự cố không thể vận hành, tiến hành đóng van cửa xả và cô lập mô đun bị sự cố, nước thải được lưu chứa tại cụm bể gom và bể điều hòa (thời gian lưu là 32 giờ). Trường hợp cả hai mô đun của trạm xử lý nước thải bị sự cố, nước thải được lưu chứa tại cụm bể gom và bể điều hòa (thời gian lưu là 16 giờ), đồng thời đánh giá khả năng khắc phục sự cố để chủ động dừng đón khách, thuê đơn vị có chức năng hút nước thải mang đi xử lý, bảo đảm không xả nước thải chưa được xử lý ra môi trường. Sau khi sự cố được khắc phục, nước thải tại các bể được bơm trở lại bể điều hòa để tiếp tục xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A với $K = 1$ trước khi thải ra môi trường.

+ Bố trí máy bơm tại tất cả các mô đun bảo đảm có 01 máy chạy, 01 máy dự phòng (hoạt động luân phiên).

+ Bố trí nguồn điện dự phòng cho trạm xử lý nước thải tập trung.

- Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án; đảm bảo tuân thủ quy định về phòng cháy, chữa cháy.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án

Chủ dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung

- Vị trí: 02 vị trí (khu vực cổng vào công trường và khu vực bố trí lán trại điều hành thi công, xây dựng).

- Thông số giám sát: TSP, tiếng ồn, độ rung, SO₂, CO, NO₂.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm xả nước thải sau xử lý vào mương thoát nước chung của khu vực.

- Thông số giám sát: lưu lượng, pH; BOD₅; TSS; tổng chất rắn hòa tan (TDS); Sunfua (tính theo H₂S); Amoni (tính theo N); Nitrat (tính theo N); dầu mỡ động, thực vật; tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat (tính theo P); tổng Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A với K = 1.

5.2.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Chịu trách nhiệm toàn diện về thông tin, dữ liệu, số liệu tính toán, đo đạc, các mốc tọa độ của Dự án, tính xác thực trong báo cáo, danh sách cán bộ thực hiện đánh giá tác động môi trường, kết quả phân tích hiện trạng môi trường đã nêu trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật, các quy định của pháp luật và các văn bản của UBND tỉnh Bình Định có liên quan đến Dự án trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công, xây dựng các hạng mục công

trình của Dự án. Chỉ được phép triển khai Dự án sau khi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về đất đai, lâm nghiệp, xây dựng và các thủ tục khác liên quan theo đúng quy định pháp luật. Chỉ được xây dựng các hạng mục công trình trên diện tích đất theo phạm vi, ranh giới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án; có biện pháp cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện Dự án. Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

- Công khai cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư biết về các hoạt động thi công của Dự án; thiết lập hệ thống biển báo, cấm mốc giới các địa bàn thi công; kiểm soát người ra vào khu vực thi công để bảo đảm an toàn.

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công, xây dựng và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu bụi, khí thải và tiếng ồn, độ rung; đảm bảo chất lượng nước mưa chảy tràn; phòng chống ngập úng và sạt lở trong quá trình thi công, xây dựng và vận hành Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý phù hợp để bảo đảm việc tập kết vật liệu xây dựng, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai, xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản, thủy lợi, tài nguyên nước; các quy định về phòng cháy, chữa cháy, phòng ngừa và ứng phó sự cố, an toàn lao động, phòng chống dịch bệnh và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường. Tuân thủ quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật có liên quan trong trường hợp chuyển đất dư thừa ra khỏi phạm vi Dự án.

- Thực hiện các biện pháp nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

- Lập và thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với trạm xử lý nước thải trong quá trình thực hiện Dự án.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án; chịu trách nhiệm và cam kết bồi thường, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố, sạt lở do quá trình thực hiện Dự án gây ra.

- Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định và các cơ quan liên quan trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật./.